TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 45/2022/DS-ST Ngày: 24-5-2022 V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Danh.

Ông Nguyễn Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hồng H1, sinh năm 1968 (Có mặt).
Địa chỉ: Số 50 Đ, Khu phố A, Phường D, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*
1. Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1972 (Có mặt).
2. Bà Võ Thị Cẩm H2, sinh năm 1975 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H1 trình bày:

Vào năm 2006, bà H1 bán thức ăn nuôi tôm cho ông Trần Ngọc A và bà Võ Thị Cẩm H2, hình thức mua bán là bán trước và thanh toán nợ vào cuối vụ. Đến ngày 12/9/2021, hai bên đối chiếu nợ theo Biên bản về việc xác nhận công nợ, tổng số nợ ông A và bà H2 phải thanh toán cho bà H1 là 700.000.000 đồng. Sau

khi đối chiếu, ông A và bà H1 chỉ trả được 6.000.000 đồng nên ngày 03/01/2022, hai bên tiếp tục lập Biên bản về việc xác nhận công nợ, xác định số tiền ông A và bà H2 còn nợ là 694.000.000 đồng, hẹn thời gian thanh toán chậm nhất là ngày 13/01/2022. Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn chưa thực hiện.

Do đó, bà H1 khởi kiện yêu cầu ông A và bà H2 phải trả số tiền 694.000.000 đồng và lãi suất chậm trả 1,5%/tháng của số tiền này tính từ ngày 03/01/2022, thực hiện trả vốn và lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trần Ngọc A và bà Võ Thị Cẩm H2 cùng trình bày:

Năm 2013, ông A và bà H2 có mua thức ăn nuôi tôm tại cửa hàng của bà H1, thanh toán theo hình thức cuối vụ. Do quá trình nuôi bị thua lỗ nên không thể trả tiền như thỏa thuận với bà H1. Hai bên có đối chiếu nợ và ông bà thống nhất còn nợ lại bà H1 số tiền 694.000.000 đồng đúng như bà H1 trình bày. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà xin được trả dần số nợ này bằng cách trả dần, cứ 03 tháng trả 6.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Riêng đối với số tiền lãi bà H1 yêu cầu, ông A và bà H2 không đồng ý, bởi vì giá thức ăn đã bao gồm tiền chiết khấu.

Tại phiên tòa: Bà H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông A và bà H2 trả số nợ gốc 694.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu trả lãi. Ông A thay đổi phương án trả nợ, xin mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Bà H2 có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét bị đơn bà Võ Thị Cẩm H2 đã có văn bản trình bày ý kiến đồng thời có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H2.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H1: Bà H1 yêu cầu ông A và bà H2 trả số tiền còn nợ là 694.000.000 đồng xuất phát từ hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp là thức ăn và thuốc nuôi tôm giữa hai bên từ năm 2013. Bà H1 là chủ Đại lý thức ăn tôm "H". Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H1 đã giao nộp Bản chính 02 Biên bản về việc xác nhận công nợ lần lượt ngày 12/9/2021 và ngày 03/01/2022. Trong đó, Biên bản ngày 12/9/2021 thể hiện số tiền nợ 700.000.000 đồng và Biên bản ngày 03/01/2022 thể hiện số tiền nợ

694.000.000 đồng. Ông A và bà H2 thống nhất và thừa nhận số tiền còn nợ bà H1 là 694.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch mua bán giữa bà H1 với ông A, bà H2 là có thật. Theo đó, bà H1 yêu cầu ông A, bà H2 trả số tiền 694.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 288, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất chậm trả: Hai bên chốt nợ vào ngày 03/01/2022, bà H1 yêu cầu ông A và bà H2 phải trả thêm khoản lãi suất phát sinh từ ngày 03/01/2022 cho đến ngày xét xử với mức lãi suất 1,5%/tháng của số tiền 694.000.000 đồng. Xét thấy mức lãi suất bà H1 yêu cầu cao hơn mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngoài ra, thời điểm phát sinh lãi là chưa phù hợp do Biên bản ngày 03/01/2022 thể hiện ngày thanh toán cuối cùng là ngày 13/01/2022. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà H1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu trả nợ gốc, không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Ông A và bà H2 xin được trả dần số nợ bằng cách mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc ông A, bà H2 chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền. Do đó yêu cầu của bà H1 buộc ông A, bà H2 trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà H1 được chấp nhận nên ông A, bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tại phiên tòa, ông A nộp đơn xác nhận để xin miễn án phí. Tuy nhiên, đơn xác nhận này không đủ cơ cở để xét giảm án phí cho ông A, bà H2 theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H1.

Buộc ông Trần Ngọc A và bà Võ Thị Cẩm H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho

bà Võ Thị Hồng H1 số tiền 694.000.000 đồng *(Sáu trăm chín mươi bốn triệu đồng),* thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Ông Trần Ngọc A và bà Võ Thị Cẩm H2 có nghĩa vụ liên đới nộp 31.760.000 đồng *(Ba mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Võ Thị Hồng H1 số tiền tạm ứng án phí 16.088.200 đồng theo biên lai thu số 0008141 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm